

Bản án số: **16 /2022/HSST**

Ngày: 08/3/2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Tuấn Long**.

+ *Thẩm phán:* Ông **Trần Anh Khoa**.

+ *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Mai Gia Cát**.

Ông **Nguyễn Minh Hùng**.

Ông **Phạm Văn Tuất**.

+ *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Mỹ Hạnh** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

+ *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa:* Ông **Trương Quang Thu** - Kiểm sát viên.

Ngày 08/3/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 16/2022/TLST-HS ngày 26/01/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-HS ngày 08/02/2022 đối với bị cáo:

Đỗ Văn N, sinh năm 1962; nơi cư trú: 06 - 08 Phan Bội Châu, phường X, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Giám đốc; trình độ học vấn: 12/12; Cha: Không rõ; Mẹ: Đỗ Thị Nh (chết); vợ là Nguyễn Thị Hồng T (đã ly hôn), có 04 con, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt theo quyết định truy nã, tạm giam từ ngày 15/5/2021, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư **Nguyễn Thành Chung** - Văn phòng Luật sư Nguyễn Thành Chung, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa - bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu của Tòa án. Luật sư Chung có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

1. Ông **Phạm Thanh S**, sinh năm 1966; nơi cư trú: 54 đường 23/10, Phường S, Nha Trang, Khánh Hòa. Ông S có mặt tại phiên tòa.

2. Bà **Mai Thị Kim L**, sinh năm 1970; nơi cư trú: 160 Trần Nguyên Hãn, Phước Hòa, Nha Trang, Khánh Hòa. Bà L có mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

1. Ông **Lê Hữu Ý**, bà **Bùi Thị Đại**; Cùng địa chỉ: 2A Hàn Thuyên, X,

Nha Trang. Ông Ý, bà Đại đều vắng mặt tại phiên tòa.

2. Chị Hồ Thị Hoài Trâm, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn Hòn Nghê 2, Vĩnh Ngọc, Nha Trang, Khánh Hòa. Chị Trâm vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2015, Đỗ Văn N ký Hợp đồng thuê căn nhà 12B Lãn Ông, X, Nha Trang của vợ chồng ông Lê Hữu Ý, bà Bùi Thị Đại. Đến khoảng tháng 5/2019, dựa vào thông tin nhà, đất có trong hợp đồng thuê nhà, Đỗ Văn N lên mạng internet tìm người làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất đối với căn nhà, đất 12B Lãn Ông, X, Nha Trang thành đứng tên của N. Sau khi làm giả được 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP556331 đối với thửa đất số 15, tờ bản đồ số 9, diện tích 82,51m², tại địa chỉ 12B Lãn Ông, X, Nha Trang do Ủy ban nhân dân thành phố Nha Trang cấp ngày 19/4/2017, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH02105 đứng tên Đỗ Văn N. N đã sử dụng để lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản của các cá nhân sau:

Ngày 15/5/2019, N thế chấp cho ông Phạm Thanh S 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả để vay số tiền 1.600.000.000đ và hạn 03 tháng sau trả. Đến hạn, N không trả và trốn tránh ông S. Qua tìm hiểu, ông S biết Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP556331 mà N thế chấp là giả nên làm đơn tố cáo gửi đến Cơ quan điều tra.

Ngày 02/9/2019, N tiếp tục sử dụng 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả còn lại thế chấp cho bà Mai Thị Kim L để vay số tiền 400.000.000đ. Bà L đồng ý cho N vay số tiền trên và nhận thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP556331. Đến hạn, N không trả và bỏ trốn. Qua tìm hiểu, bà L biết Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP556331 mà N thế chấp là giả nên làm đơn tố cáo gửi đến Cơ quan điều tra.

Kết luận giám định số 713/GĐTP/2019 ngày 07/01/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Khánh Hòa kết luận: 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất so với bản gốc mà Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa thu thập, không được in ra từ cùng các phương pháp in mà được tạo ra bằng phương pháp in màu; Các hình dấu tròn màu đỏ trên các tài liệu cần giám định so với các hình dấu tròn màu đỏ tương ứng mà Cơ quan Cảnh sát điều tra thu thập, không phải do cùng một con dấu đóng ra; Chữ ký mang tên Lê Hữu Thọ trên các tài liệu cần giám định so với chữ ký của ông Lê Hữu Thọ trên các tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra; Chữ viết, chữ ký trên 02 giấy vay tiền so với chữ ký, chữ viết của Đỗ Văn N trong các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra.

Cáo trạng số 69/CT-VKSKH-P1 ngày 03/8/2021 của Viện kiểm sát N dân tỉnh Khánh Hòa đã truy tố bị cáo Đỗ Văn N về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”

và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, sau khi phân tích các tình tiết về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, về nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Đỗ Văn N từ 13 đến 14 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; từ 03 đến 04 năm tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, các bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt, xét thấy yêu cầu của các bị hại là chính đáng nên buộc bị cáo phải bồi thường lại cho ông S số tiền 1.600.000.000đ, bà L số tiền 400.000.000đ. Về vật chứng vụ án: Tiếp tục tạm giữ 01 điện thoại di động hiệu Vsmart, 01 đồng hồ đeo tay hiệu Rolex genve Cellini của bị cáo để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án; các vật chứng khác trả lại cho bị cáo.

Luật sư Nguyễn Thành Chung tranh luận: Không tranh luận về tội danh của bị cáo. Sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội; sau khi phạm tội, bị cáo đã tác động gia đình và tại phiên tòa, gia đình của bị cáo xin được bồi thường cho các bị hại nhưng các bị hại không nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án nhẹ để bị cáo sớm trở về hòa nhập cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các quyết định, hành vi của các Cơ quan và người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa, những người làm chứng có đơn xin vắng mặt, xét thấy hồ sơ đã có đầy đủ lời khai và việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vụ án theo quy định chung.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Văn N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng tháng 5/2019, Đỗ Văn N lên mạng internet thuê người làm giả 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP556331 đối với thửa đất số 15, tờ bản đồ số 9, diện tích 82,51m², tại địa chỉ 12B Lãn Ông, X, Nha Trang của ông Lê Hữu Ý và bà Bùi Thị Đại thành đứng tên N. Sau khi có được 02 Giấy chứng nhận giả nêu trên, N đã dùng để thế chấp cho ông Phạm Thanh S vay số tiền 1.600.000.000đ và bà Mai Thị Kim L vay số tiền 400.000.000đ, sau đó N không trả tiền cho ông S, bà L mà bỏ trốn và đến ngày 15/5/2021 Đỗ Văn N bị bắt theo Quyết định truy nã. Kết luận giám định số 713/GĐTP/2019 ngày 07/01/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Khánh Hòa kết luận: 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất so với bản gốc mà Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Khánh

Hòa thu thập, không được in ra từ cùng các phương pháp in mà được tạo ra bằng phương pháp in màu; Các hình dấu tròn màu đỏ trên các tài liệu cần giám định so với các hình dấu tròn màu đỏ tương ứng mà Cơ quan Cảnh sát điều tra thu thập, không phải do cùng một con dấu đóng ra; Chữ ký mang tên Lê Hữu Thọ trên các tài liệu cần giám định so với chữ ký của ông Lê Hữu Thọ trên các tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra; Chữ viết, chữ ký trên 02 giấy vay tiền so với chữ ký, chữ viết của Đỗ Văn N trong các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra.

Như vậy, Cáo trạng số 69/CT-VKSKH-P1 ngày 03/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã truy tố bị cáo Đỗ Văn N về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác trái pháp luật, gây hoang mang bất ổn trong đời sống nhân dân. Bị cáo đã 02 lần sử dụng Giấy chứng nhận giả để lừa đảo nhằm chiếm đoạt tiền của các bị hại. Sau khi phạm tội, bị cáo bỏ trốn gây khó khăn cho quá trình điều tra vụ án. Hành vi của bị cáo thể hiện sự xem thường pháp luật nên cần xử phạt nghiêm. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy sau khi bị bắt, bị cáo đã thành khẩn khai báo; bản thân bị cáo có nhân thân tốt; tại phiên tòa, gia đình bị cáo xin được bồi thường cho ông S 30.000.000đ, bà L 50.000.000đ nhưng các bị hại không đồng ý nhận nên cần xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo.

Tại phiên tòa, vị luật sư bào chữa cho bị cáo cung cấp tài liệu (bản pho to) thể hiện bị cáo N khám chữa bệnh tại Bệnh viện tâm thần ban ngày Mai Hương vào thời điểm ngày 08/3/2019. Hội đồng xét xử nhận thấy kết quả khám bệnh thể hiện bị cáo bị trầm cảm, lo âu, mất ngủ; các tài liệu không thể hiện con dấu của pháp nhân; bị cáo và gia đình không cung cấp được bản chính để đối chiếu. Do vậy, không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[4] Các nội dung khác:

- Trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, các bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt, cụ thể ông S yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 1.600.000.000đ, bà L yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 400.000.000đ. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của các bị hại là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt theo yêu cầu của các bị hại.

- Vật chứng: Xét thấy các giấy tờ gồm: Hộ chiếu mang tên Đỗ Văn N; 03 thẻ ngân hàng mang tên “DO VAN NHAN”; 01 thẻ ngân hàng mang tên “NGUYEN THANH BINH”; 02 bản pho to chứng minh nhân dân mang tên “NGUYEN VAN THANH” không phải là vật chứng của vụ án nên cần trả lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra để xử lý theo quy định của pháp luật.

Các tài sản gồm: **01** (một) điện thoại di động hiệu Vsmart màu tím, mặt sau có 03 camera; **01** (một) đồng hồ đeo tay hiệu Rolex genve Cellini mặt kim loại màu vàng, dây da màu đen là tài sản của bị cáo nên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án cho bị cáo.

- **Án phí:** Bị cáo Đỗ Văn N phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải bồi thường cho các bị hại.

- **Kiến nghị:** Việc bị cáo Đỗ Văn N lên mạng internet tìm người làm giả Giấy chứng nhận và trên thực tế, bị cáo đã làm giả được 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP556331 đối với thửa đất số 15, tờ bản đồ số 9, diện tích 82,51m², tại địa chỉ 12B Lãn Ông, X, Nha Trang của ông Lê Hữu Ý và bà Bùi Thị Đại thành đứng tên của bị cáo. Hành vi của bị cáo N có dấu hiệu làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức. Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã nhiều lần trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung làm rõ để xử lý nhưng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa vẫn giữ nguyên quan điểm. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự, tiến hành xét xử bị cáo về hành vi “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”, đồng thời kiến nghị các cơ quan tiến hành tố tụng tiếp tục điều tra làm rõ, nếu có đủ căn cứ đề nghị xử lý đối với hành vi “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” của bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo **Đỗ Văn N**.

Áp dụng Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Xử phạt bị cáo **Đỗ Văn N 13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”**; Xử phạt bị cáo **Đỗ Văn N 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”**. Tổng hợp hình phạt, **buộc bị cáo Đỗ Văn N phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 17 (mười bảy) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 15/5/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo **Đỗ Văn N** phải có nghĩa vụ trả lại cho các bị hại số tiền đã chiếm đoạt. Cụ thể: Trả lại cho ông Phạm Thanh S số tiền là **1.600.000.000đ (một tỷ sáu trăm triệu đồng)**; Trả lại cho bà Mai Thị Kim L số tiền là **400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng)**.

Quy định: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành số tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu số tiền lãi theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tiếp tục tạm giữ các tài sản sau đây để đảm bảo cho nghĩa vụ thi hành án của bị cáo: **01** (một) điện thoại di động hiệu Vsmart màu tím, mặt sau có 03 camera; **01** (một) đồng hồ đeo tay hiệu Rolex genve Cellini, mặt kim loại màu vàng, dây da màu đen.

- Trả lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa các giấy tờ gồm: Hộ chiếu số: C4049379 mang tên Đỗ Văn N (Sinh: 12/4/1962 do Cục quản lý xuất nhập cảnh cấp ngày 02/11/2017); 03 thẻ ngân hàng Vietcombank, ACB và BIDV mang tên “DO VAN NHAN”; 01 thẻ ngân hàng ACB mang tên “NGUYEN THANH BINH”; 02 bản phô tô giấy chứng minh N dân số: 213827402 mang tên “NGUYEN VAN THANH” - sinh ngày 08/9/1964 để xử lý theo quy định chung của pháp luật.

Tất cả các tài sản, giấy tờ nêu trên đều theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/9/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa với Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

4. Về án phí: Bị cáo Đỗ Văn N phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm; 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền bồi thường cho bà L và 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền bồi thường cho ông S.

Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Các bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Vụ giám đốc kiểm tra 1;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ; Ấn văn; Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tuấn Long